

Số: /TTr-SNN&PTNT Thanh Hoá, ngày tháng năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa tỉnh Thanh Hóa năm 2025

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ Luật trồng trọt số 31/2018/QH14;

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Thực hiện Công văn số 16024/UBND-NN ngày 29/10/2024, của UBND tỉnh về việc chỉ đạo, triển khai thực hiện Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ.

Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Công văn số 6164/SNN&PTNT-TT&BVTV ngày 04/11/2024 của Sở Nông nghiệp & PTNT Thanh Hóa về việc báo cáo kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa năm 2024 và đăng ký kế hoạch năm 2025. Đến nay, Sở Nông nghiệp và PTNT đã nhận được 27/27 văn bản báo cáo của UBND các huyện, thị xã, thành phố. Trong đó, có 22/27 đơn vị đăng ký kế hoạch diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa năm 2025 và 5/27 đơn vị không đăng ký diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa năm 2025.

Trên cơ sở đăng ký Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa năm 2025 của UBND các huyện, thị xã và thành phố, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tổng hợp, dự thảo Quyết định của UBND tỉnh và Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng năm 2025.

Sở Nông nghiệp và PTNT kính trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa tỉnh Thanh Hóa năm 2025, với các nội dung chính như sau:

1. Nội dung trình:

- Tổng diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa năm 2025 là: 1.596 ha; trong đó:

+ Chuyển sang trồng cây hàng năm 987 ha;

+ Chuyển sang trồng cây lâu năm 344 ha;

+ Chuyển sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản 265 ha.

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất chuyên trồng lúa là 872 ha, trên đất trồng 1 vụ lúa là 724 ha.

Sở Nông nghiệp và PTNT đã xây dựng Dự thảo Quyết định và Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa năm 2025 (theo Mẫu tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ) gửi kèm theo.

2. Tài liệu gửi kèm:

- Công văn đăng ký kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa năm 2025 của UBND các huyện, thị xã, thành phố.

- Công văn số 6164/SNN&PTNT-TT&BVTV ngày 04/11/2024 của Sở Nông nghiệp & PTNT Thanh Hóa về việc báo cáo kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa năm 2024 và đăng ký kế hoạch năm 2025.

- Dự thảo Quyết định của UBND tỉnh và Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa tỉnh Thanh Hóa năm 2025.

Sở Nông nghiệp và PTNT kính trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TT&BVTV.

GIÁM ĐỐC



Cao Văn Cường

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2024

Dự thảo

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi
trên đất trồng lúa năm 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số /SNN&PTNT-TT&BVTV, ngày tháng năm 2024 về việc tham mưu ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa tỉnh Thanh Hóa năm 2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa toàn tỉnh năm 2025; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và PTNT về kết quả thực hiện theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ quy định tại Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết về đất trồng lúa và Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa của tỉnh ban hành kèm theo Quyết định này để ban hành kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên phạm vi toàn huyện, thị xã, thành phố năm 2025; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh

(qua Sở Nông nghiệp và PTNT) về kết quả thực hiện năm 2025 và lập Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng năm 2026 đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ (để t/h);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (để b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Các sở, ban, ngành có liên quan (để t/h);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố (để t/h);
- Lưu VT, NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

**KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG, VẬT NUÔI
TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA NĂM 2025**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh
Thanh Hóa)*

STT	Huyện	Diện tích đất trồng lúa được chuyển đổi (ha)			
		Tổng diện tích	Đất chuyên trồng lúa	Đất trồng lúa còn lại	
				Đất lúa 01 vụ	Đất lúa nương
Tổng số		1.596	872	724	
	Trồng cây hàng năm	987	565	422	
	Trồng cây lâu năm	344	92	252	
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	265	215	50	
	Trong đó:				
1	Huyện Bá Thước	6,2		6,2	
	Trồng cây hàng năm	2,0		2,0	
	Trồng cây lâu năm	4,0		4,0	
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	0,2		0,2	
2	Thị xã Bỉm Sơn	20,0	20,0		
	Trồng cây hàng năm				
	Trồng cây lâu năm				
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	20,0	20,0		
3	Huyện Hoằng Hóa	205,2	152,7	52,5	
	Trồng cây hàng năm	187,4	135,7	51,7	
	Trồng cây lâu năm	0,8		0,8	
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	17,0	17,0		
4	Huyện Hà Trung	3,0	3,0		
	Trồng cây hàng năm				
	Trồng cây lâu năm				
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	3,0	3,0		
5	Huyện Nga Sơn	64,5	60,0	4,5	
	Trồng cây hàng năm	3,0		3,0	
	Trồng cây lâu năm				
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	61,5	60,0	1,5	
6	Huyện Như Thanh	7,0	7,0		
	Trồng cây hàng năm	2,4	2,4		
	Trồng cây lâu năm	2,0	2,0		
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	2,6	2,6		

STT	Huyện	Diện tích đất trồng lúa được chuyển đổi (ha)			
		Tổng diện tích	Đất chuyên trồng lúa	Đất trồng lúa còn lại	
				Đất lúa 01 vụ	Đất lúa nương
7	Huyện Quảng Xương	50,0	5,0	45,0	
	Trồng cây hàng năm	35,0	5,0	30,0	
	Trồng cây lâu năm	10,0		10,0	
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	5,0		5,0	
8	TP Thanh Hóa	20,0	7,0	13,0	
	Trồng cây hàng năm	14,0	7,0	7,0	
	Trồng cây lâu năm	3,0		3,0	
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	3,0		3,0	
9	Huyện Triệu Sơn	250,0	150,0	100,0	
	Trồng cây hàng năm	200,0	140,0	60,0	
	Trồng cây lâu năm	30,0	10,0	20,0	
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	20,0		20,0	
10	Huyện Vĩnh Lộc	33,4	28,4	5,0	
	Trồng cây hàng năm	32,4	28,4	4,0	
	Trồng cây lâu năm	1,0		1,0	
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản				
11	Huyện Yên Định	100,0	100,0		
	Trồng cây hàng năm	95,0	95,0		
	Trồng cây lâu năm				
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	5,0	5,0		
12	Huyện Cẩm Thủy	25,0	18,0	7,0	
	Trồng cây hàng năm	20,0	18,0	2,0	
	Trồng cây lâu năm	5,0		5,0	
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản				
13	Huyện Hậu Lộc	45,4	27,1	18,3	
	Trồng cây hàng năm	27,3	9,0	18,3	
	Trồng cây lâu năm				
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	18,1	18,1		
14	Thị xã Nghi Sơn	56,4	29,4	27,0	
	Trồng cây hàng năm	27,0		27,0	
	Trồng cây lâu năm				
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	29,4	29,4		
15	Huyện Ngọc Lặc	16,6		16,6	

STT	Huyện	Diện tích đất trồng lúa được chuyển đổi (ha)			
		Tổng diện tích	Đất chuyên trồng lúa	Đất trồng lúa còn lại	
				Đất lúa 01 vụ	Đất lúa nương
	Trồng cây hàng năm	12,2		12,2	
	Trồng cây lâu năm	4,2		4,2	
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	0,2		0,2	
16	Huyện Nông Cống	120,0	23,0	97,0	
	Trồng cây hàng năm	100,0	15,0	85,0	
	Trồng cây lâu năm	10,0	3,0	7,0	
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	10,0	5,0	5,0	
17	Thành phố Sầm Sơn	6,2	6,2		
	Trồng cây hàng năm	3,5	3,5		
	Trồng cây lâu năm				
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	2,7	2,7		
18	Huyện Thạch Thành	22,3	22,3		
	Trồng cây hàng năm	20,3	20,3		
	Trồng cây lâu năm				
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	2,0	2,0		
19	Huyện Thiệu Hóa	45,0	35,0	10,0	
	Trồng cây hàng năm	15,0	15,0		
	Trồng cây lâu năm	5,0		5,0	
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	25,0	20,0	5,0	
20	Huyện Thường Xuân	0,8	0,8		
	Trồng cây hàng năm	0,3	0,3		
	Trồng cây lâu năm	0,5	0,5		
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản				
21	Huyện Thọ Xuân	381,1	177,9	203,2	
	Trồng cây hàng năm	71,2	71,2		
	Trồng cây lâu năm	269,1	76,5	192,6	
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản	40,8	30,2	10,6	
22	Huyện Như Xuân	120,0		120,0	
	Trồng cây hàng năm	120,0		120,0	
	Trồng cây lâu năm				
	Trồng lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản				